



QUYẾT ĐỊNH

Công bố Luồng hàng hải Nha Trang

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 2818/QĐ-BGTVT ngày 02/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ văn bản số 3127/BGTVT-KHĐT ngày 03/4/2020 của Bộ Giao thông vận tải về việc thống nhất chủ trương bổ sung quy hoạch 01 cầu cảng thuộc khu bến Nha Trang tiếp nhận tàu khách du lịch quốc tế đến 225.000GT và tỉnh không tuyến cáp treo Vinpearl Nha Trang;

Căn cứ văn bản số 2911/CHHVN-KHĐT ngày 22/7/2021 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc điều chỉnh hướng tuyến Luồng hàng hải Nha Trang đi qua giữa trụ T3 và T4 tuyến cáp treo của Công ty Cổ phần Vinpearl;

Xét văn bản số 2775/TCTBĐATHHMN-ATHH ngày 30/11/2021 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam và văn bản số 120/NT/2021/CV-VP ngày 01/11/2021 của Công ty Cổ phần Vinpearl về việc công bố điều chỉnh Luồng hàng hải Nha Trang, kèm theo Thông báo hàng hải số 257/TBHH-TCTBĐATHHMN ngày 01/11/2021 và các tài liệu liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kết cấu hạ tầng hàng hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Luồng hàng hải Nha Trang với các nội dung chính như sau:

1. Tổng chiều dài tuyến luồng: $L = 10,7$ km.
2. Thông số kỹ thuật cơ bản của luồng hàng hải theo thiết kế, gồm các đoạn luồng như sau:
 - 2.1. Đoạn luồng phía Bắc Nha Trang: từ phao số “0” phía Bắc vịnh Nha Trang vào tới khu vực giữa trụ T3 và trụ T4 của tuyến cáp treo Vinpearl.
 - Chiều dài đoạn luồng: $L = 3,95$ km;
 - Chiều rộng luồng: $B = 200$ m.
 - Cao độ đáy thiết kế: $H = -11,0$ m (so với số “0” Hải đồ).

2.2. Đoạn luồng phía Nam Nha Trang: từ phao số “0” phía Nam vịnh Nha Trang vào tới khu vực giữa trụ T3 và trụ T4 của tuyến cáp treo Vinpearl.

- Chiều dài đoạn luồng: $L = 6,75 \text{ km}$;
- Chiều rộng luồng: $B = 200 \text{ m}$.
- Cao độ đáy thiết kế: $H = -11,0 \text{ m}$ (so với số “0” Hải đồ);
- Bán kính cong nhỏ nhất: $R = 925 \text{ m}$.

3. Vùng đón trả hoa tiêu: Theo Quyết định số 1349/QĐ-CHHVN ngày 10/9/2020 của Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 2. Cảng vụ Hàng hải Nha Trang có trách nhiệm: Quản lý Nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại khu vực Luồng hàng hải Nha Trang và được thu các khoản phí theo quy định pháp luật; Căn cứ hồ sơ thiết kế và hướng tuyến luồng, tính không của tuyến cáp treo Vinpearl, các quy định, hướng dẫn về an toàn hàng hải được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để thông báo quy định cụ thể điều kiện khai thác luồng; căn cứ điều kiện thực tế, giới hạn độ sâu thực tế của luồng tàu... cùng các quy định pháp luật để cấp phép cho tàu thuyền có trọng tải, kích thước và môn nước phù hợp hành hải trên Luồng hàng hải Nha Trang với yêu cầu bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 3. Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam có trách nhiệm: cung cấp các tài liệu liên quan về số liệu khảo sát thông báo hàng hải định kỳ đến Cảng vụ Hàng hải Nha Trang để phục vụ công tác quản lý; quy định điều kiện khai thác Luồng hàng hải Nha Trang nhằm bảo đảm an toàn.

Điều 4. Các cơ quan, tổ chức quản lý Nhà nước tại cảng biển, đơn vị quản lý, vận hành luồng và hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực Luồng hàng hải Nha Trang theo quy định pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1059/QĐ-CHHVN ngày 30/11/2012 của Cục Hàng hải Việt Nam.

Điều 6. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng có liên quan của Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Nha Trang, Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Titus*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cục trưởng (để b/c);
- Bộ đội Biên phòng tỉnh Khánh Hoà;
- Kiểm dịch y tế tỉnh Khánh Hoà;
- Kiểm dịch ĐTV tỉnh Khánh Hoà;
- Công ty Cổ phần Vinpearl;
- Các Phòng: KHĐT, TC, ATANHH, PC, KHCN&MT, VT&DVHH;
- Lưu: VT, KCHTHH_(PTT-5b).

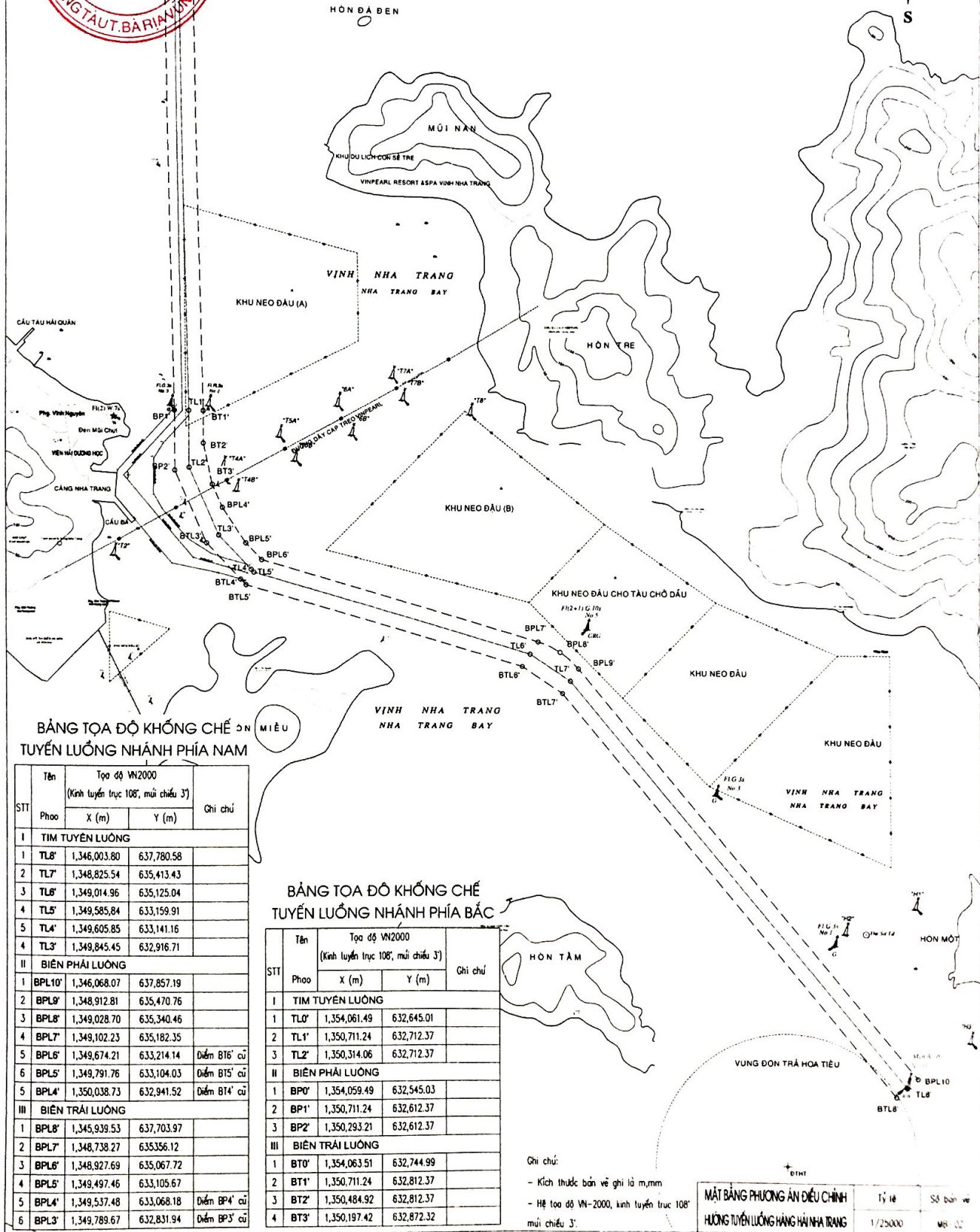
**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Đình Việt



MẶT BẰNG PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH
HƯỚNG TUYẾN LƯỒNG HÀNG HẢI NHA TRANG



BẢNG TỌA ĐỘ KHÔNG CHẾ
TUYẾN LƯỒNG NHÁNH PHÍA NAM

STT	Tên	Tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực 108°, vĩ độ 3°)		Ghi chú
	Phao	X (m)	Y (m)	
I	TÌM TUYẾN LƯỒNG			
1	TL8'	1,346,003.80	637,780.58	
2	TL7'	1,348,825.54	635,413.43	
3	TL6'	1,349,014.96	635,125.04	
4	TL5'	1,349,585.84	633,159.91	
5	TL4'	1,349,605.85	633,141.16	
4	TL3'	1,349,845.45	632,916.71	
II	BIÊN PHẢI LƯỒNG			
1	BPL10'	1,346,068.07	637,857.19	
2	BPL9'	1,348,912.81	635,470.76	
3	BPL8'	1,349,028.70	635,340.46	
4	BPL7'	1,349,102.23	635,182.35	
5	BPL6'	1,349,674.21	633,214.14	Điểm B16' cũ
6	BPL5'	1,349,791.76	633,104.03	Điểm B15' cũ
5	BPL4'	1,350,038.73	632,941.52	Điểm B14' cũ
III	BIÊN TRÁI LƯỒNG			
1	BPL8'	1,345,939.53	637,703.97	
2	BPL7'	1,348,738.27	635,356.12	
3	BPL6'	1,348,927.69	635,067.72	
4	BPL5'	1,349,497.46	633,105.67	
5	BPL4'	1,349,537.48	633,068.18	Điểm B14' cũ
6	BPL3'	1,349,789.67	632,831.94	Điểm B13' cũ

BẢNG TỌA ĐỘ KHÔNG CHẾ
TUYẾN LƯỒNG NHÁNH PHÍA BẮC

STT	Tên Phao	Tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực 108°, vĩ độ 3°)		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	
	I TÌM TUYẾN LƯỠNG			
1	TL0'	1,354,061.49	632,645.01	
2	TL1'	1,350,711.24	632,712.37	
3	TL2'	1,350,314.06	632,712.37	
II BIÊN PHẢI LƯỠNG				
1	BP0'	1,354,059.49	632,545.03	
2	BP1'	1,350,711.24	632,612.37	
3	BP2'	1,350,293.21	632,612.37	
III BIÊN TRÁI LƯỠNG				
1	BT0'	1,354,063.51	632,744.99	
2	BT1'	1,350,711.24	632,812.37	
3	BT2'	1,350,484.92	632,812.37	
4	BT3'	1,350,197.42	632,872.32	

Ghi chú:

- Kích thước bản vẽ ghi là m, mm
- Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 108° vĩ độ 3°.

MẶT BẰNG PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH
HƯỚNG TUYẾN LƯỒNG HÀNG HẢI NHA TRANG

Tỷ lệ 1/25000
Số bản vẽ MB-02